



# HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM: VÀI ĐÁNH GIÁ VÀ TRAO ĐỔI

ThS. LÊ THỊ THANH HUYỀN - Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng

*Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương nhất quán và là nội dung trọng tâm trong chính sách đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế của Đảng ta trong quá trình đổi mới đất nước. Thực hiện chủ trương này, nước ta đã từng bước, chủ động hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Bài viết đánh giá những nét cơ bản trong chặng đường hội nhập kinh tế quốc tế trong 30 năm đổi mới vừa qua, đưa ra một số kiến nghị, đề xuất về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn mới.*

Từ khoá: FTA, TPP, kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế

## Thành tựu của hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương lớn của Đảng ta, là nội dung trọng tâm của hội nhập quốc tế và là một bộ phận quan trọng, xuyên suốt của công cuộc đổi mới. Trong 30 năm đổi mới vừa qua, từ Đại hội VI đến Đại hội XII, Đảng ta đã đưa ra chủ trương đúng đắn trong việc mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong đó, sự kiện lớn nhất là việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào tháng 01/2007, đánh dấu sự hội nhập toàn diện của Việt Nam vào kinh tế thế giới. Với việc gia nhập WTO, Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách chính sách kinh tế, thương mại, đầu tư đồng bộ theo hướng minh bạch và tự do hóa hơn, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Cùng với xu hướng thiết lập các khu vực thương mại tự do trên thế giới, đến nay, Việt Nam đã tham gia ký kết 12 hiệp định thương mại tự do (FTA) với 56 quốc gia và nền kinh tế trên thế giới, trong đó 6 FTA do Việt Nam chủ động tham gia ngoài khuôn khổ nội khối ASEAN hoặc với nước đối tác của ASEAN. Tháng 10/2015, Việt Nam đã cùng các nước thành viên kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Việc tham gia vào TPP giúp Việt Nam nắm bắt và tận dụng tốt hơn các cơ hội do quá trình hội nhập kinh tế khu vực đem lại, đồng thời có thêm điều kiện, tranh thủ hợp tác quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, triển khai chiến lược hội nhập quốc tế nói chung và chiến lược đối ngoại ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói

riêng. Việt Nam cũng đã chủ động, tích cực tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm đạt được một thỏa thuận kinh tế toàn diện, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và các nước ASEAN. Việt Nam đã chính thức gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Với việc tích cực triển khai các biện pháp ưu tiên nhằm thực hiện Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia thành viên có tỷ lệ thực hiện cao nhất các biện pháp trong lộ trình AEC...

Những hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng và hội nhập kinh tế quốc tế nói chung góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mở ra không gian phát triển mới cho nền kinh tế Việt Nam, mở rộng quan hệ hợp tác sâu, rộng với các quốc gia trong khu vực và thế giới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, tạo cơ hội để Việt Nam thực hiện chiến lược cơ cấu lại thị trường xuất khẩu theo hướng cân bằng hơn, thúc đẩy cải cách và tái cơ cấu nền kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp (DN). Từ đó, tác động mạnh đến sự tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường trong một số lĩnh vực như: công nghiệp, thương mại, các ngành dịch vụ...; Thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, theo đó tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn; Thúc đẩy thương mại, tăng thu hút đầu



LỘ TRÌNH CỤ THỂ CỦA CÁC FTA ĐÃ KÝ KẾT

| TT | FTA         | Thời điểm có hiệu lực | Thời điểm kết thúc lộ trình | Mức độ tự do hóa cuối lộ trình | Mức độ tự do hóa năm 2016 |
|----|-------------|-----------------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| 1  | ATIGA       | 1999                  | 2018                        | 98%                            | 91%                       |
| 2  | ACFTA       | 2005                  | 2020                        | 90%                            | 83,5%                     |
| 3  | AKFTA       | 2007                  | 2021                        | 87%                            | 81,2%                     |
| 4  | AANZFTA     | 2009                  | 2022                        | 90%                            | 53,5%                     |
| 5  | AIFTA       | 2010                  | 2024                        | 78%                            | 12,3%                     |
| 6  | AJCEP       | 2008                  | 2025                        | 87%                            | 30,4%                     |
| 7  | VJEPA       | 2009                  | 2026                        | 92%                            | 37,4%                     |
| 8  | VCFTA       | 2014                  | 2030                        | 89%                            | 28,5%                     |
| 9  | VKFTA       | 20/12/2015            | 2029                        | 88%                            | 82,68%                    |
| 10 | VN-EAEU FTA | 05/10/2016            | 2027                        | 88%                            | 52,4%                     |

Nguồn: Bộ Tài chính

tư nước ngoài và mở rộng quan hệ hợp tác phát triển. Tạo hiệu ứng tích cực thúc đẩy cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, hoàn thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế nước ta trong dài hạn, tạo ra môi trường kinh doanh ngày càng bình đẳng, minh bạch, dễ dự đoán hơn và ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Các DN Việt Nam có cơ hội tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất khu vực, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn...

### Những khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thành tựu to lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế quốc gia, hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta vẫn còn một số hạn chế, như:

*Một là*, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ gây khó khăn trong việc thực hiện cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế. Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết. Các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực khác chưa được triển khai đồng bộ, nhịp nhàng trong một chiến lược tổng thể. Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các ban, ngành còn nhiều bất cập.

*Hai là*, chưa có chiến lược rõ ràng, chủ động khi tham gia các Hiệp định FTA, chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cơ bản trong nước và chưa có được

nỗ lực chung của toàn xã hội để tận dụng tối đa các cơ hội mà tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đem lại. Các lợi ích quốc gia thu được từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước.

*Ba là*, tăng trưởng xuất khẩu nhanh nhưng chưa vững chắc, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả xuất khẩu còn thấp, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tuy đã chuyển dịch mạnh sang hàng chế biến, chế tạo nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào DN có vốn đầu tư nước ngoài; nhập siêu vẫn còn là nguy cơ, cơ cấu nhập khẩu còn không ít bất cập. Về cơ bản, nền kinh tế vẫn dựa chủ yếu vào tăng trưởng thương

mại, vào khai thác tài nguyên, khoáng sản, xuất khẩu hàng nông sản thô với hàm lượng chế biến thấp và gia công hàng hóa ở công đoạn thấp của chuỗi giá trị (dệt may, da giày, điện tử...).

*Bốn là*, do tri thức và trình độ kinh doanh của các DN còn thấp, cộng với hệ thống tài chính và ngân hàng còn yếu kém nên dễ bị tổn thương và bị thao túng nếu tự do hoá thị trường vốn sớm.

*Năm là*, năng lực cạnh tranh của các DN Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung còn thấp, chịu sức ép cạnh tranh lớn từ phía DN nước ngoài, dẫn đến một số ngành trong nước bị ảnh hưởng do tác động của việc mở cửa thị trường, nhập khẩu tăng mạnh. Sự cạnh tranh, đặc biệt là cả các sản phẩm công nghiệp còn thấp, Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc củng cố và phát triển các thị trường mới trong điều kiện nhiều nước đang phát triển cùng chọn chiến lược tăng cường hướng về xuất khẩu nên sẽ bị áp lực cạnh tranh ngay tại thị trường nội địa.

*Sáu là*, năng suất lao động tăng chậm, thu hút đầu tư vẫn dựa vào lợi thế nhân công và chi phí mặt bằng rẻ, chi phí năng lượng thấp đã ảnh hưởng nhiều đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của DN. Hàng hoá nước ngoài chất lượng cao lại được cắt giảm thuế, khiến cho hàng hoá của các DN bị cạnh tranh gay gắt...

### Một số đề xuất, kiến nghị

Tình hình thế giới và khu vực còn nhiều diễn biến phức tạp, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính



quốc tế, khu vực, các hiệp định song phương, đa phương thế hệ mới. Trong khi đó, Việt Nam sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong AEC và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn rất nhiều so với giai đoạn trước. Trong giai đoạn mới đòi hỏi, phải chủ động và tích cực hơn nữa trong việc tận dụng các cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, vượt qua các khó khăn thách thức, giảm thiểu các tác động tiêu cực của quá trình hội nhập, trong đó tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, cần quán triệt chủ trương đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong từng giai đoạn về hội nhập quốc tế, xác định vai trò trọng tâm của hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần có sự thống nhất về quan điểm, nhận thức và hành động, nhất là cần xây dựng các căn cứ khoa học và thực tiễn để phục vụ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

**Đến nay, Việt Nam đã tham gia ký kết 12 hiệp định thương mại tự do (FTA) với 56 quốc gia và nền kinh tế trên thế giới, trong đó 6 FTA do Việt Nam chủ động tham gia ngoài khuôn khổ nội khối ASEAN hoặc với nước đối tác của ASEAN.**

*Hai là*, cần xây dựng tầm nhìn dài hạn về các mục tiêu kinh tế, ngoại giao trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các cam kết hội nhập, tạo môi trường kinh doanh ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quá trình hội nhập chủ động, thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh trong quan hệ kinh tế quốc tế và khu vực.

*Ba là*, gắn kết giữa hội nhập kinh tế quốc tế với đẩy mạnh cải cách trong nước, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhằm bảo đảm tầm nhìn dài hạn về các mục tiêu phát triển kinh tế, chính trị ngoại giao và chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế.

*Bốn là*, tiếp tục xây dựng phương án, tham gia đàm phán và chủ động tham vấn với các bộ, ngành, hiệp hội, địa phương về các lĩnh vực, mở cửa thị trường hàng hóa tại Việt Nam trong các FTA đang và sẽ đàm phán như Hiệp định RCEP, FTA Việt Nam - EFTA, ASEAN - Hồng Kông,

Việt Nam - Israel... góp phần mở rộng thêm quá trình hội nhập của Việt Nam. Tận dụng tối đa các cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế mở rộng thị trường, thúc đẩy thương mại, đầu tư, tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, DN và sản phẩm.

*Năm là*, chú trọng thực thi cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mức độ cam kết và tự do hóa thương mại ngày càng cao hơn, có các điều chỉnh thương mại trên cơ sở cam kết với các tổ chức quốc tế và khu vực để đạt được hiệu quả cao nhất trong việc thực hiện các cam kết thương mại. Bên cạnh đó, tập trung nguồn lực để tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và đánh giá tác động của việc thực hiện các cam kết cắt giảm thuế trong các FTA đến thu ngân sách và tác động đến một số ngành hàng quan trọng, từ đó kịp thời kiến nghị điều chỉnh các chính sách liên quan.

*Sáu là*, nâng cao năng lực nghiên cứu, đánh giá và dự báo các vấn đề mới, các xu thế vận động của hội nhập, đặc biệt trong việc thực hiện các cam kết thương mại, các FTA ở cấp độ cao hơn để có các điều chỉnh chính sách và biện pháp phù hợp; hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành thị trường đủ năng lực, hoạt động hiệu quả để bảo vệ thị trường trong nước, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, gắn với bảo vệ môi trường.

*Bảy là*, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế nhằm xây dựng đội ngũ người lao động có kỹ năng và tay nghề để tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu có mức giá trị gia tăng cao hơn thay thế cho lợi thế nhân công giá rẻ như hiện nay. Phát triển mạnh hệ thống đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển dịch lao động theo cung cầu của thị trường lao động...



#### Tài liệu tham khảo:

1. Trần Tuấn Anh, (2016) Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn mới, Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
2. TS. Phạm Tất Thắng (2016), Hội nhập kinh tế quốc tế: Từ quan điểm của Đảng đến thực tiễn, Tạp chí Cộng sản điện tử;
3. Hoàng Trung (2015), Hội nhập kinh tế quốc tế: Cơ hội và thách thức tăng trưởng, Vietnamnet;
4. Nguyễn Thế Bình (2015), 30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học, Tạp chí Phát triển và hội nhập số 22/2015.